

NHO TÔNG CHUYÊN THỂ

Giáo Sĩ Diệu Như

Nhân loại đang ở vào thời kỳ vũ trụ vạn vật sắp hết một chu trình của 12 nguơn hội, tức 129.600 năm, để bước sang một chu trình mới, hay nói cách khác là trái đất này đang ở cuối thời Hạ nguơn mặt kiếp và sắp bước sang đời Thượng nguơn Thánh đức. Thiên Liêng có dạy, mỗi lần có sự thay trời đổi đất như vậy là có một cơn đại sàng sảy để tuyển chọn những con người Thánh đức; những thành phần không cần thiết cho nguơn hội mới sẽ bị lọc lại như bã nếp trước khi qua hồ rượu. Thiên tai, chiến họa, dịch bệnh, nạn tai, thanh trừng lẫn nhau do ân oán, v.v. đều là những biểu hiện của cơn đại sàng sảy đó.

Vì lòng từ bi, không muốn nhân loại đi vào chốn diệt vong, không muốn những hàng nguyên căn vì nhiều lý do còn lẫn lộn trong cõi phàm trần phải chịu liên lụy nên Thượng Đế đã lâm

phàm để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ qua hình thức tôn giáo Cao Đài. Mục đích của Cao Đài giáo là hướng con người vào hai mục tiêu: *“Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát”*. Đại đồng là tất cả nhân loại, không phân biệt, đều được ấm no hạnh phúc trong tình thương và đức háo sanh của Thượng Đế, mà mỗi người đều nhân danh Thượng Đế dành tặng cho nhau, để biến cõi thế này thành thiên đường cực lạc. Giải thoát là giải thoát khỏi những phiền não ràng buộc của thất tình lục dục, thân tuy sống trong cõi thế nhưng tâm đã vượt qua khỏi vòng nhân ngã thường tình để có cuộc sống an nhiên, tự tại, xem công danh phú quý như tuồng ảo mộng, xem xác thân này, cuộc sống này với những hệ lụy sống ăn mặc ở, cơm áo gạo tiền chỉ là những phương tiện để trợ duyên cho tâm linh tiến hóa.

Để đạt đến hai mục tiêu Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã đưa ra giải pháp thực hành giáo lý Đại Đạo, gồm tinh hoa của Tam Giáo Đạo là Nho, Thích, Lão. Trong đó, Nho chủ về phần Thế đạo, Thích và Lão chủ về phần Thiên đạo. Đức Lý Giáo Tông đã từng dạy tinh thần Tam Giáo đồng nguyên trong giáo lý Đại Đạo cho chư môn sanh Nho giáo tại Chí Thiện Đàn:

“...Tam Giáo Đạo¹ gồm trong danh từ Đại Đạo.

Người có nhiệm vụ ở phần Nho tông chuyển thế là đạo trị thế. Người có trách nhiệm về Thích giáo, Lão giáo là đạo hoát khai tâm linh. Hai con đường trị thế hay nhân sinh và tâm linh phải được thực hiện ngay trong kỳ Đại ân xá này.

Người chức sắc, chức việc, tín đồ mệnh danh trong Đại Đạo phải biết rõ hơn lúc nào hết là góp tay vào phục hưng Tam Giáo Đạo để Đại Đạo được huy hoàng, xiển dương chánh pháp.”²

Trong phạm vi bài viết này, với tư cách là tín đồ Đại Đạo, hãy cùng tìm hiểu các vấn đề: Nho tông chuyển thế là gì? Nho tông làm thế nào để chuyển thế? Tính khả thi của sứ mạng Nho tông chuyển thế ra sao trong bối cảnh nhân loại hiện nay? như là một cách để góp tay vào việc phục hưng Tam Giáo Đạo nhằm xiển dương chánh pháp Đại Đạo.

I. NHO TÔNG CHUYỂN THẾ LÀ GÌ?

1. Tam Giáo Đạo: Thuật ngữ riêng của Cao Đài. Tam Giáo Đạo có phạm vi rộng hơn Tam Giáo (Nho, Phật, Lão). Theo “Lịch trình hành đạo” do Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt thừa chỉ định của Tam Giáo Tòa ân ban cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trong đàn cơ tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Tuất thời, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966) thì Tam Giáo Đạo bao gồm Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo. Cũng theo lời dạy của Đức Lê Đại Tiên, Thánh Đạo (gồm chung Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo) là yêu cầu đòi hỏi cấp Phó Ban phải “thông suốt”; Tiên Đạo là yêu cầu đòi hỏi cấp Trưởng Ban “phải thông hiểu tột lý”; Phật Đạo (gồm có Bà La Môn Giáo, Thích Ca Giáo, Pythagore Giáo), là yêu cầu đòi hỏi cấp Vụ Trưởng phải “nghiên cứu và tìm hiểu”.

2. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Chí Thiện Đàn, 27-8 Nhâm Tý (04-10-1972).

“Nho Tông Chuyển Thế” là thuật ngữ dành cho những người có sứ mạng trong Đại Đạo, đem tinh thần Nho tông đến với cuộc đời để thức tỉnh người đời, với hy vọng người đời sẽ giác ngộ được chân lý, tự mình chuyển hóa tâm phàm thành tâm Thánh khiến đời loạn sẽ trở nên trị, cũng là để chuẩn bị cho thời Thượng ngươn Thánh đức ngày mai.

Tại sao gọi Nho tông mà không là Nho giáo? Ta hãy xem lời bình của học giả Trần Trọng Kim trong quyển Nho Giáo của ông:

“Ngày nay ta bàn đến Nho giáo thì cũng chỉ xét những điều thiết thực về đường luân lý và chính trị, chứ không mấy khi bàn đến phần đạo lý tối cao của Nho giáo. Thành thử ta chỉ hiểu được cái phần thiết cận mà thôi, còn cái phần thâm viễn thì vẫn mập mờ không rõ.”

Chính cái phần thâm viễn cao sâu mà người đời vẫn còn mập mờ không rõ của Nho giáo là cái phần đạo lý tối cao mà Đức Khổng Tử chỉ truyền dạy cho một vài cao đệ có căn trí sâu dày như Nhan Hồi, Tăng Sâm và sau này là Tử Tư, học trò Tăng Sâm và cũng là cháu nội Đức Khổng Tử.

Tông là nguồn gốc, là dòng dõi truyền thừa tiếp nối. Tìm về Nho tông là tìm về Thánh ý ban sơ của Đức Khổng Tử. Vì Thánh ý ban sơ này mà Ngài đã ôm ấp cả một đời, lê gót miệt mài đi khắp trong thiên hạ, những mong tìm được bậc minh quân làm chứng thị để cho cái đạo trị thế của Ngài thành hiện thực. Cuối cùng, thời gian không còn nhiều, Ngài lui về quê nhà viết sách, dạy học trò, và Đạo của Ngài đã được lưu giữ và truyền bá từ đó cho tới nay đã hơn 2500 năm.

Tìm về Nho tông, không gì tốt hơn là tìm ở Luận Ngữ, quyển sách do học trò ghi lại những lời mà Đức Khổng Tử đã giảng dạy

cho các học trò.

Tìm về Nho tông không gì tốt hơn là tìm ở quyển Đại Học, là quyển sách do cao đệ của Ngài là Tăng Sâm soạn, quyển Trung Dung do Tử Tư là cháu nội Ngài, cũng là học trò của Tăng Sâm – cao đệ của Ngài –, soạn và quyển Mạnh Tử do Mạnh Tử, học trò của Tử Tư, được hậu thế tôn là Á Thánh sau Đức Khổng Tử viết ra. Tất cả được viết theo những lời dạy của Ngài.

Những quyển sách này được viết ra trong một thời đại mà bả lợi mờ danh, áo mả cân đai do học hành thi cử đem lại chưa chạm đến thềm Nho tông; thời đại mà người học Nho là để học đạo thánh hiền, biết nguồn cội của mình là từ Lý Thái Cực, biết thành phần cấu tạo của mình gồm đủ âm dương ngũ hành trong trời đất, biết địa vị của mình trong cõi nhân sinh sánh cùng với Trời Đất trong thế Tam tài và biết mình là sinh vật tối linh có bốn phận thay Trời mà tác thành cho vạn loại, để tu dưỡng cách sống của mình sao cho xứng đáng với địa vị và bốn phận đó.

Học Nho để biết cái nguyên lý Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể, đồng nhất thể ở cái lý Thái Cực, Trời là Thái Cực lớn, mỗi người mỗi vật là Thái Cực nhỏ (Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh ngũ hành, ngũ hành sinh bát quái). Những Thái Cực nhỏ này phải biết tuân theo khuôn phép nhất định để giữ được trật tự hài hòa với nhau và trật tự hài hòa với Thái Cực lớn của Trời, đang điều hành dịch chuyển cả vũ trụ vạn vật. Lễ và nhạc là cách thức để gìn giữ con người trong khuôn phép ấy. Sống theo trật tự khuôn phép thì trên hạp ý Trời, dưới hạp lòng người, đâu đâu cũng một màu hạnh phúc.

Khổng Tử xưa đã từng nói: “Ngô bất tác chi, ngô thuật chi”

(Ta chỉ là người đem cái đạo Thánh hiền của các bậc Tiên Nho đời trước, thuật lại cho người đời sau nghe, chứ ta không hề chế tác ra điều gì mới mẻ cả). Nói lên câu này, Ngài ngụ ý là Ngài đã tiếp thu nền Nho giáo vốn có từ trước ở thời Tam Hoàng, Ngũ Đế, sau đó là thời Tam Đại với nhà Hạ, Thương, Chu. Đó là thời các bậc Thánh nhân như Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thành Thang, Văn Vương, Võ Vương, v.v., vừa lãnh nhiệm vụ chấn dân trị nước, lo cho dân được no cơm ấm áo trong cuộc sống nhân sinh, vừa đảm nhiệm vai trò của một Thánh sư, lo giáo hóa dân chúng được tiến hóa về mặt tâm linh.

Thừa kế vốn Nho học của người đi trước, Đức Khổng đã hệ thống hóa, và dĩ nhiên là có làm cho rõ ràng hơn, để người đời sau dễ tiếp thu, thí dụ như quyển Kinh Dịch, ở mỗi quẻ ta thấy ngoài phần “Kinh” của Phục Hy, Văn Vương và Chu Công còn có phần “Truyện” của Khổng Tử như Soán truyện, Đại tượng truyện, Tiểu tượng truyện, Hệ từ thượng và hạ truyện, Thuyết quái truyện, Tự quái truyện thượng và hạ, và Tạp quái truyện. Ngài còn san định lại các quyển Thi, Thư, Lễ, Nhạc và viết Kinh Xuân Thu. Chính nhờ công lao đó nên người đời sau gọi đạo Nho là đạo Khổng hay Khổng giáo.

Từ năm 213 TCN, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước Trung Hoa, vì tin tưởng theo phái Pháp gia của Thừa tướng Lý Tư, để thống nhất các tư tưởng và chính kiến, Tần Thủy Hoàng đã cho đốt tất cả các kinh sách Nho giáo cũng như của Bách Gia Chư Tử và hành hình những ai có chính kiến chống lại mình. Hơn 460 Nho sinh ở Hàm Dương đã bị chôn sống trong chính sách “Khanh thư phần Nho” này. Sách vở, kinh điển Nho giáo vì thế mà bị thất lạc phần lớn, phần còn sót lại, do người đời sau thu gom

rồi thêm thắt vào ý riêng của mình, khiến kẻ hậu học lầm tưởng đó là những lời của Thánh Khổng. Điều này rất tai hại.

Nho giáo kể từ đời Hán trở đi, tuy được sùng thượng trở lại nhưng phải chịu nhiều nỗi thăng trầm, vì người đời thường gắn Nho giáo với đời sống chính trị mà đại diện là tầng lớp vua chúa, quan lại, với những định chế, luật lệ, lễ nghi, phép tắc, v.v... dựa vào những lễ điển của Nho giáo. Vua chúa là người có quyền tối cao trong thiên hạ, được truyền thừa từ đời nọ sang đời kia theo nguyên tắc cha truyền con nối. Cũng cố cho quyền hành của vua là các quan lại được tuyển chọn qua việc thi cử, lấy Nho học làm chính. Thí sinh làm bài thi phải đáp ứng được những yêu cầu từ triều đình để bảo đảm sẽ là phen giậu bảo vệ và che chắn cho triều đại quân chủ chuyên chế. Từ đây, người học Nho để làm Thánh làm Hiền thì ít, phần đông là học để làm bề tôi, cúc cung tận tụy phục vụ quân quyền để đổi lấy công hầu khanh tướng, áo mũ cân đai. Tác giả Nguyễn Thanh Điệp, với bài viết “Sĩ tử ngày xưa học và thi thế nào để đỗ Trạng nguyên?”, đã vẽ lại bức tranh học hành thi cử ở nước ta ngày xưa ấy:

“Không chỉ học thuộc lòng văn thơ, kinh sách, viết văn, làm thơ, vẽ đối, học trò còn phải biết soạn thảo các loại văn bản của triều đình.

Theo sách *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* của nhà Nguyễn, kỳ thi Hương có ba vòng (tam trường) hoặc bốn vòng (tứ trường).

Vòng đầu thi kinh nghĩa, gồm các sách tứ thư, ngũ kinh của Nho giáo. Vòng hai thi chiếu biểu (tức soạn thảo các văn bản hành chính như chiếu, biểu, sớ...). Vòng ba thi sáng tác thơ phú theo chủ đề. Vòng bốn thi văn sách để viết các bài tự luận.

Vòng thi kinh nghĩa tương đối dễ, chỉ cần thuộc lòng tứ Thư, ngũ Kinh và trình bày cho đúng ý của người xưa. Vòng thi chiếu biểu phải thuộc hàng trăm bài loại này rồi chắt lọc tinh hoa để viết thành bài.

Dễ làm nhưng khó đỗ nhất là kỳ thi thơ phú. Dễ vì suốt cả ngày chỉ cần sáng tác một bài thơ tối đa 16 câu và một bài phú tám câu, nhưng cái khó là phải hay (mỗi người một cảm nhận, đánh giá nên rất khó).

Vòng bốn thi văn sách thì tự do trình bày theo kiến giải riêng của mình, tương tự như thi tự luận ngày nay. Muốn qua được vòng thi này, sĩ tử không những phải thông lâu kinh sử mà còn phải biết vận dụng sở học của mình để trình bày những kiến giải mới lạ.

Đề thi thường hỏi đủ mọi lĩnh vực như thiên văn, địa lý, bói toán, y học..., đặc biệt là những câu hỏi về thời sự, đòi hỏi sĩ tử phải có những kiến giải độc đáo và đưa ra giải pháp khả thi. Thi tứ trường nhưng phải học thiên kinh vạn quyển là thế!”

Đó là diện mạo của Nho giáo tại Trung Hoa kể từ đời Hán, và ảnh hưởng đến dân tộc Việt trong suốt chiều dài lịch sử dưới ách thống trị của người Tàu. Mãi đến năm 1905 ở Trung Hoa và 1918 ở Việt Nam, chế độ học hành thi cử bằng chữ Hán, Nho học bị cáo chung cùng lúc với chế độ quân chủ do bởi sự xâm nhập của nền văn hóa Âu Tây.

Một nền Nho giáo với hệ thống giáo lý chính thống của Khổng Tử đã bị thất chân truyền, phần bị thất thoát, phần bị người đời sau giảng giải theo thiên kiến thiên cận, phần thì được giản lược để cho các sĩ tử dễ học, dễ thi, lại được đem sử dụng cho mục đích chính trị, đã từng lên ngôi khi chế độ quân chủ thăng thế, và

suy tàn khi các triều đại phong kiến lụn bại, không thể nào làm được sứ mạng chuyển thế trong thời đại mà văn minh vật chất lên đến cực điểm nhưng giá trị đạo đức tinh thần không có chút giá trị nào dưới tầm mắt của trí khôn nhân loại. Sứ mạng Nho tông chuyển thế trong Đại Đạo nhằm khôi phục lại một nền Nho giáo truyền thống mà Đức Khổng đã dày công vun đắp. Chính nền Khổng giáo truyền thống hay Nho tông này mới có đủ quyền pháp để trị thế và chuyển thế trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

II. TẠI SAO DÙNG NHO TÔNG ĐỂ CHUYỂN THẾ?

1) Nho Tông đề cao giá trị con người:

Sách Lễ ký có ghi: *“Nhân giả, kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỷ thần chi tụ hội, ngũ hành chi tú khí”* (con người là đức của Trời Đất, do âm dương kết giao, do quỷ thần hội tụ, gồm đầy đủ ngũ hành tú khí).

Nhân giả kỳ thiên địa chi đức: Con người là đức của Trời Đất. Đức chính là Minh Đức, là Thiên tánh, Tánh (Nho Giáo), Phật tánh (Phật Giáo), Thượng Đế tánh hay Tiểu Linh Quang (Cao Đài Giáo), lương tâm (theo người đời), tức cái phần sáng suốt, thiện lương Thượng Đế phát ban đồng đều cho mỗi người khi đến trần gian để sống và tiến hóa. Nhờ Minh Đức mà con người mới có sự sáng suốt, biết phân biệt thiện ác, có thể phát triển tâm linh đến mức cao nhất là phối kết với Thượng Đế và các Đấng trợn lành.

“Minh Đức là cái tánh bản nhiên Trời ban phú ở nơi người. Đức ấy rất hồn nhiên, viên minh, diệu giác như ở bản thể chia ra.

Thái Cực là nguyên lý dựng nên trời đất, sanh thành muôn vật, lưu hành biến hóa, làm cho vũ trụ ngày một hoàn mãn, phát hiện

hết bản tánh tri năng của chúng sanh, thì Minh Đức của con người cũng có thể triển chuyển mạnh mẽ nào khác chi Trời.

Cái Đức Minh Đức được sung mãn nơi người thì thông đồng cùng trời đất, gánh nổi việc thiên hạ dễ dàng. Đức ấy được lan tỏa ra, làm cho đâu đâu cũng sáng rõ huy hoàng, như ngọn lửa thiêng chong các cây đèn, mà đèn nào cũng tỏ. Đó là Minh Đức mà Tân Dân, vừa lợi nhân lợi kỷ. Người đã được cái Đức ấy của Trời đất là phần Thiên mạng ký dữ ở ta, đồng thời với lúc đó có thân này”³

Cha mẹ phàm cho chúng ta xác thân hữu hình làm phương tiện, để cái Minh Đức vô hình của Trời ban này được hiện diện và sống động trong mỗi người. Chính vì thế nên Thánh Phao-lô đã từng nói: *“Tôi sống nhưng không phải là tôi sống mà là Đức Ki-tô sống trong tôi.”*

Âm dương chi giao: Con người còn là giao điểm của Âm Dương. Âm Dương tức là hai yếu tố từ Thái Cực biến sinh. Thái Cực phân lưỡng nghi là Âm Dương, Hoàng Cực kết hợp Âm Dương lại để biến sinh vạn hữu. Khi có vạn hữu thì mỗi chúng sanh trong vạn hữu từ khoáng sản, thảo mộc, thú cầm cho chí đến loài người đều thừa hưởng hai yếu tố Âm Dương đó.

Mặt khác, Dương là cương kiện, mạnh mẽ tự cường bất tức, che chở vạn loài như Đức của Trời; Âm là thừa thuận, dung chứa, nuôi dưỡng muôn vật như Đức của Đất. Nhờ hai yếu tố Âm Dương này, con người có tiềm năng thăng tiến vô hạn, nếu biết phát huy đúng mức cái sở năng, sở dụng của mình.

Quý thần chi hội: Con người là nơi hội tụ của quý thần. Quý thần là sự thông minh, tài giỏi, biến hóa khôn lường, thông đồng

3. Đạo Học Chí Nam, Chương II, tiết II, mục I.

cùng Trời Đất, vạn vật. Quỷ thuộc âm, có thể biết được tất cả những việc trong quá khứ. Những kinh nghiệm chúng ta đã kinh qua trong quá khứ từ vô thủy dĩ lai, trải qua các cõi sinh, tử, biến, hiện, đều tích trữ trong A Lại Da Thức. Khi A Lại Da Thức được sáng hóa thì biến thành Đại Minh Cảnh Trí, như một tấm gương hiện rõ từng hình ảnh một trong quá khứ, khiến con người có thể làm được những kỳ tích như những nhà bác học phát minh phi thuyền bay vào vũ trụ, những nhà Đạo học có thuật khinh công đi trên mặt nước, hô phong hoán vũ, chỉ đá hóa vàng, những văn nhân thi sĩ với những áng thi văn tuyệt tác làm rung chuyển cả trời đất như Hàn Dũ của Trung Hoa, Hàn Thuyên của Việt Nam làm văn tế đuổi được cá sấu, v.v.... Thần thuộc Dương, có thể biết được cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Khi con người tu luyện đạt đến tâm thanh tịnh tuyệt đối, Chơn tánh hay Minh Đức sáng soi, thường trụ, con người sẽ cộng thông với Trời Đất vạn vật, thấu suốt được cả quá khứ, hiện tại, vị lai; những gì còn ẩn khuất, những việc chưa xảy ra, chỗ u minh, thiện ác, đâu cũng thấu được. Các bậc Thánh Tổ ngày xưa, các bậc Hiền nhân Thánh triết đời sau, chứng quả Thần Thánh Tiên Phật cũng chính nhờ công dụng của quỷ thần, là sự linh hoạt biến thông của Chơn tánh trực giác nơi con người.

*“Chơn tánh vốn Viên Minh Diệu Giác,
Tâm linh này trực phát, huyền đồng,
Dù rằng vũ trụ mênh mông,
Gom về nội tính suốt thông mọi đường.”⁴*

Ngũ hành chi tú khí: Con người gồm có đủ tinh túy của Ngũ

4. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, Chương IV, tiết II, mục III.

hành. Trời đất có Ngũ hành là Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy để tạo dựng nên càn khôn vũ trụ cùng muôn loài vạn vật. Do đó mỗi vật, mỗi loài, mỗi người đều có thọ bẩm Ngũ hành. Ngũ hành nơi con người là Ngũ khí: Nguơn tinh, Nguơn khí, Nguơn thần, Nguơn tánh, Nguơn tình để con người nương theo đó mà tu luyện tiến hóa lên đến chỗ chí thiện. Ngũ hành nơi con người cũng là Ngũ đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, là năm đức tính căn bản làm nên con người. Người nào còn giữ đủ năm đức này mới xứng đáng địa vị một con người, một phẩm tối linh trong vạn vật, mới có thể phát huy được hết công dụng và phận sự mình trong kiếp này trên cõi thế.

Nho tông chỉ ra cho chúng ta thấy hình tượng của một con người quả là một công trình tuyệt tác của Hóa Công, rập theo khuôn mẫu của Thái Cực. Thái Cực Thánh Hoàng đã tạo dựng con người để hiển dương hình ảnh của Ngài tại thế gian. Con người thông qua việc tư duy, học tập, rèn luyện, phát huy hết tiềm năng của mình để tiến hóa đến chỗ làm sáng cái Minh Đức, là nơi Trời người hội ngộ. Hiểu được giá trị thật của con người, chúng ta thấy, có được thân mạng làm người là quý báu vô cùng, và thời gian ngắn ngủi của một kiếp người nơi cõi thế lại càng quý báu hơn, vì sẽ không kịp cho chúng ta tu học lập công để tiến hóa, nếu chúng ta còn chần chờ, do dự hay tiêu phí vào những việc vô bổ.

Và uổng tiếc vô cùng cho một kiếp người với những ai không biết quý trọng bản thân mình, sẵn sàng hy sinh nó để đổi lấy những phương tiện vật chất hầu thỏa mãn cuộc sống xa hoa phù phiếm, hủy hoại nó trong những cuộc truy hoan đòi truy hoặc kết liễu nó một cách tức tưởi vì không làm chủ được bản thân

trong cơn mê loạn vì chán chường, tuyệt vọng.

Hiểu được giá trị thật của con người, chúng ta không những quý trọng mạng sống của mình, mà còn phải biết quý trọng mạng sống của tất cả mọi người, vì tất cả chúng ta đều là những Tiểu linh quang, những Tiểu Thái Cực, lần lượt kẻ trước người sau, đang trong cuộc hành trình tiến về hiệp một cùng ngôi Thái Cực Thánh Hoàng Thượng Đế.

2) Nho tông xác định mục đích và ý nghĩa của cuộc đời là phát huy hết tiềm năng của con người để tiến hóa.

Nho tông quan niệm con người là tinh ba tú khí của Trời Đất, được thác sanh vào cuộc đời với mục đích, định hướng rõ ràng chứ không phải sống vật vờ như hạt tầm gửi, tùy duyên thuận gió, gặp chỗ nào thích hợp thì bám rễ để sống tạm, sống nhờ, chờ khô, chờ chết. Mục đích đó được phát biểu trước tiên trong quyển Đại Học của Tăng Tử:

“Đại học chi đạo: Tại minh Minh Đức, tại tân dân, tại chí u chí thiện”:

Làm người phải học đạo Thánh hiền để làm sáng Minh Đức (tức Thiên tánh, Thượng Đế tánh, Phật tánh) mà Trời phú cho mỗi người. Sau khi đã làm sáng Minh Đức của mình thì không ở yên, vui hưởng một mình, mà phải đi giúp cho mọi người, từ trong gia đình, quốc gia cho đến khắp trong thiên hạ, làm sáng Minh Đức của người, khiến cho ai nấy đều trở nên con người mới, bỏ nếp sống vật dục tầm thường để thuận theo thiên lý, sống đời sống đạo đức, phẩm hạnh. Và sự học của mình chỉ dừng lại khi mình và mọi người đều đạt đến chỗ chí thiện.

Muốn làm sáng cái Minh Đức của mình phải làm sao? Sách

Đại Học chỉ rõ:

“Dục minh Minh Đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri; trí tri tại cách vật.”

Muốn làm sáng Minh Đức của mình ra khắp thiên hạ, để làm sáng Minh Đức của thiên hạ, trước hết phải làm cho nước nhà mình được thái bình thịnh trị; muốn làm cho nước nhà mình được thái bình thịnh trị, trước phải tề được gia đình, sắp xếp, chỉnh lý, dạy dỗ, để cho gia đình mình được hòa thuận, yên vui hạnh phúc. Muốn tề được gia đình, trước hết mình phải biết tu sửa thân mình cho ra con người đạo đức, xứng đáng, khiến cho mọi người trong gia đình tin tưởng, quý trọng, thương mến, tuân phục. Muốn tu thân, trước phải giữ cho tâm mình luôn được ngay chính. Muốn tâm được chính thì giữ ý cho thành, vì ý là động cơ để khởi động cái tâm. Nếu ý khởi lên một niệm tà vạy thì tâm cũng bị nghiêng ngả, thất chánh. Muốn có ý thành thì phải trí tri, hiểu biết tốt cùng để biết phân biệt đâu là điều thiện phải theo, đâu là xấu ác phải chừa. Mà trí tri là do ở cách vật, tức là sự dày công tìm tòi, nghiên cứu học hỏi.

Như vậy quy trình tu dưỡng bản thân theo thứ tự sau:

□ Cách vật:

Truy cứu, tìm hiểu cho ra cái lý của sự vật, của những hiện tượng xảy ra trong thế giới tự nhiên hay trong hoàn cảnh xã hội, của các mối liên hệ với nhau giữa các sự vật và hiện tượng, mối liên hệ giữa người với người, giữa người với trời đất vạn vật, cũng như những quy luật để giữ thế cân bằng, hài hòa trong những mối liên hệ ấy. Đó là công phu của sự học vấn. Muốn cách

được vật phải thông qua học hỏi. Học hỏi từ ông bà, cha mẹ, anh chị em trong nhà, người thân trong họ hàng thân tộc; học hỏi từ bạn bè, hàng xóm láng giềng; học hỏi từ thầy cô giáo dạy chữ nghĩa, dạy đạo đức; học hỏi từ những tấm gương phô bày trong xã hội, học hỏi từ kinh sách như tứ thư, ngũ kinh, từ sách vở của tiền hiền để lại, và trước hết là phải học Lễ (Tiên học Lễ).

Lễ là những nghi thức, quy tắc để tạo ra trật tự. Trời đất vũ trụ có lễ nghi phép tắc thì càn khôn vũ trụ mới an định, tứ thời tám tiết mới trật tự vần xoay, mưa hòa gió thuận, vạn vật sinh sôi nảy nở. Trong xã hội loài người, nhất thiết cũng phải có một hệ thống những nghi lễ, những nguyên tắc, những quy định, những luật lệ, nhằm tạo ra trật tự trong cộng đồng nhân loại để có được hạnh phúc, an lạc và tiến bộ. Đó là hệ thống Hiến pháp và luật pháp của nhà nước gồm những quy định mà toàn dân phải tuân thủ, bên cạnh đó có bộ phận giám sát việc thi hành luật pháp và xử lý những hành vi sai luật.

Lễ còn là những giáo thuyết, giáo điều của tôn giáo, là những phép tắc luật lệ mà Nhà Nước có thể không quy định, nhưng nó có một giá trị siêu việt, giúp người tự nguyện tuân thủ phát triển và khai phóng tâm linh. Nho tông đã có một hệ thống lễ nghi phép tắc như vậy, nhằm để con người nương theo đó mà hoàn thiện mình và thành toàn nhiệm vụ của một con người nơi cõi thế. Những luật lệ đó, hay giáo lý Nho tông có những điểm hết sức cơ bản như sau:

a) Chính danh định phận:

Có một sự phân công trong xã hội tùy theo hoàn cảnh và trình độ căn trí của mỗi người, và mỗi người đều có một danh

xưng tương ứng với bốn phận của mình gọi là danh phận. Danh nào thì có phận nấy đi kèm. Danh phận để có sự phân biệt rõ ràng và tránh sự nhầm lẫn. Một người được mang danh là cha có bốn phận của người cha: hết lòng thương yêu con, cùng với người mẹ lo nuôi dưỡng cho đứa con được khôn lớn, giáo dục cho nó nên người hữu dụng mai sau. Người cha phải hy sinh mọi thứ vì tương lai và hạnh phúc của con. Và một người ở vai trò làm cha, muốn xứng đáng được mang danh CHA cũng phải cố gắng rèn luyện mình để hội đủ những tố chất của người cha như vừa kể trên. Nếu người cha không biết tu dưỡng bản thân, xem quyền lợi của mình là trên hết, xem đứa con như phương tiện để sử dụng thu lợi, như ép con phải đi ăn xin, đi bán báo, bán vé số, thậm chí bán con vào lầu xanh, v.v... thì người đó không xứng được gọi là cha.

Tử viết: *“Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.”*

Có nghĩa là: Vua phải xứng đáng là vua, bầy tôi phải xứng đáng là bầy tôi, cha phải xứng phận làm cha, con phải xứng phận làm con.

Những tao loạn trong xã hội loài người hiện nay, từ tập thể nhỏ nhất là gia đình cho đến quốc gia, rộng hơn nữa là cộng đồng nhân loại trên toàn thế giới đều có nguyên nhân từ chỗ không biết tu dưỡng để sống sao cho đúng với danh phận mình.

b) Ngũ thường:

Là năm điều căn bản, bất di bất dịch mà mỗi người phải có. Nếu không có thì không phải con người đúng nghĩa.

- Nhân: Lòng thương người, trắc ẩn trước sự đau khổ của người khác. Ban đầu mới tập tành thì “Kỷ dục lập, lập nhân; kỷ

dục đạt, đạt nhân”⁵, sau tiến lên “Bác thí, tế chúng”⁶.

- Nghĩa: Cư xử đúng theo đạo lý, lấy hết lòng của mình ra trong việc đối nhân xử thế, không phân biệt ta người.

Luận Ngữ, Chương Vệ Linh Công có ghi lại lời đối đáp giữa Đức Khổng Tử và thầy Tử Cống. Thầy Tử Cống hỏi Đức Khổng: “Có một chữ nào mà có thể trọn đời mình làm theo chẳng?”. Khổng Tử đáp: “Có lẽ là chữ ‘thứ’ chẳng? Cái gì mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác.”. Suy rộng ra, chiết tự chữ “thứ” 恕 có hai phần: trên là chữ “như”, dưới là chữ “tâm”, có nghĩa là đem lòng mình để hiểu lòng người, xem người như mình, không chấp nhất, trách phạt gì mỗi khi người khác có điều gì lầm lỗi với mình. Do đó mới có từ tha thứ, lượng thứ, thứ lỗi.

Chữ “Nghĩa” hay tương phản với chữ “Lợi”. Nếu thấy điều lợi đến với mình thì hãy cẩn thận dè chừng xem có gì bất nghĩa chẳng. Thí dụ: Dùng hóa chất vào công nghệ thực phẩm để tạo sự hấp dẫn cho món hàng, dễ bán, và kết quả là người bán thu lợi càng nhiều thì người mua càng tởm giận cái chết vì bị nhiễm độc. Đó là một hành động bất nghĩa.

- Lễ: Người linh hơn muôn vật nhờ ở lễ. Lễ là trật tự, là khuôn phép, là phép ứng xử giữa con người và con người, giữa con người với vũ trụ vạn vật, giữa con người với Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Lễ là để giữ chừng mực cho hành vi của con người.

5. Kỳ dục lập, lập nhân; kỳ dục đạt, đạt nhân: Mình muốn cho mình được thành tựu thì mình cũng nên giúp cho người được thành tựu. Mình muốn cho mình được thành đạt thì mình cũng nên giúp cho người được thành đạt.

6. Bác thí, tế chúng: Bố thí rộng khắp, cứu giúp đại chúng.

Sách Mạnh Tử viết: *“Nhân tức là thương người, có Lễ tức là kính người; nếu mình thương người thường thì người thương lại, nếu mình kính người thường thì người kính lại, nếu trong nước mà không có lễ, nghĩa ắt ngời thứ người trên kẻ dưới đều lộn bậy hết.”*

- Trí: Thông suốt lý lẽ, biết phân biệt thị phi, phải trái.
- Tín: Thành thực với người, trước sau như một. “Nhơn vô tín bất lập”, người thiếu chữ tín thì không ai chấp nhận mình, mình không thể nào làm được gì với ai trong đời.

Sách Mạnh Tử viết: *“Lòng trắc ẩn là đầu mối của đức Nhân, lòng biết hổ thẹn là đầu mối của đức Nghĩa, lòng khiêm nhường là đầu mối của đức Lễ, lòng biết phân biệt phải trái là đầu mối của đức Trí. Người ta tự nhiên có đủ bốn mối ấy nơi lòng cũng như thân thể mình có đủ hai tay và hai chân vậy.... Hễ mình biết làm cho bốn mối ấy được sung túc nơi mình thì mình đủ sức giữ gìn bốn mối, còn như mình chẳng biết làm cho chúng nó được sung túc thì mình chẳng đủ sức phụng dưỡng cha mẹ.”*

Mạnh Tử chỉ nói bốn đức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí mà không nói đức Tín vì đức Tín bao trùm cả bốn đức kia. Nếu Nhân mà thiếu Tín thì giả Nhân, Nghĩa mà thiếu Tín thì giả Nghĩa, Lễ mà thiếu Tín thì giả Lễ, Trí mà thiếu Tín là giả Tín. Nếu giả thì không phải là đạo hằng thường vậy.

c) Ngũ luân:

Sách Mạnh Tử viết: *“Làm người ai cũng có đạo lý mà mình cần phải theo. Chớ như đã được ăn no, mặc ấm, ở yên mà chẳng có giáo dục thì gần với loài chim loài thú rồi đó. Cho nên bậc Thánh nhơn, tức vua Nghiêu vua Thuấn lấy làm lo lắng về việc ấy. Hai Ngài bèn cử ông Tiết làm quan Tư Đồ (phụ trách về lễ giáo), giao phó cho*

việc giáo hóa dân chúng biết ăn ở theo nhân luân: giữa cha con có tình thân ái, giữa vua và tôi lấy nghĩa làm trọng, giữa chồng vợ có sự phân biệt, giữa anh và em có vị thứ dưới trên, giữa bạn bè bầu bạn có lòng tín thành”.

Qua lời Mạnh Tử dạy ta thấy nhân luân gồm năm mối quan hệ trong xã hội, trong mỗi mối quan hệ có quy định phép ứng xử cho đúng trật tự, lễ nghi, quyền pháp.

- Phụ tử: Để giữ tình thân ái thì phụ phải Từ, tử phải Hiếu.

- Quân thần: Để lấy Nghĩa làm trọng thì quân phải Minh, thần phải Trung.

- Phu phụ: Giữa vợ chồng có sự phân biệt đủ để kính trọng nhau như tân khách. Có tôn trọng nhau thì tình nghĩa vợ chồng mới bền vững.

- Huynh đệ: Huynh hữu, đệ cung, để giữ vị thế dưới trên phân biệt rõ ràng.

- Bằng hữu: Có lòng tín thành đối đãi nhau thì tình bạn mới bền.

☐ Trí tri:

Cách vật được thực hiện qua nghiên cứu và thực hành giáo lý Nho giáo sẽ dẫn tới trí tri, sự hiểu biết tột cùng, biết cùng lý tận tánh của sự vật và hiện tượng trong tự nhiên, trong xã hội và mối liên hệ giữa chúng. Trí tri tại cách vật.

Ngày nay thời mà khoa học kỹ thuật làm chủ, các môn học trong trường được xây dựng sao cho học sinh ra đời để kiếm việc làm, với những công việc phục vụ cho đời sống thiên về vật chất, vô tình, các môn học về luân lý đạo đức, công dân giáo dục bị bỏ quên hoặc bị xem thường. Do Cách vật bị giới hạn nên Trí tri cũng bị phiến diện, có nhiều lỗ hổng trong kiến thức, mà lỗ hổng quan trọng nhất là ý thức về giá trị cao quý của bản thân là một

con người, ý nghĩa và mục đích của đời người, ý thức về trách nhiệm của một con người đối với bản thân, với gia đình, với dân tộc, với nhân loại, với môi trường sống tự nhiên. Điều này là nguyên nhân dẫn đến những sa đọa trong nếp sống của bản thân, gây tai họa cho cả những người lương thiện sống chung quanh, hủy hoại môi trường. Đây là thảm họa mà con người trên khắp hành tinh này đang chịu đựng. Đây là lý do Đức Thượng Đế đặt ra sứ mạng Nho tông chuyển thế khi mở Đạo kỳ ba.

□ Thành ý:

Ý phải chánh chơn, đoạn dục. Ý là niệm nhóm khởi liền ngay khi lục căn duyên với lục trần. Mắt vừa liếc nhìn thấy sắc là ý liền khởi sinh; tai vừa nghe âm thanh cất lên là ý khởi sinh. Mũi vừa nghe mùi hương là ý khởi sinh. Thành ý là phải kiểm soát hoạt động của ý bằng cách kiểm soát lục căn, sáu giác quan, không cho nó duyên với sáu trần ô trược để rồi phát sinh ra ý vọng động trong lục dục: mê sắc đẹp, mê âm thanh quyến rũ, mê hương thơm ngào ngạt, mê vị ngon ngọt, mê xúc chạm êm ái dễ chịu, hoặc mê đắm trong sự tưởng tượng.

Nhờ cách vật, trí tri, chúng ta biết phân biệt chân giả, thiện ác, kiểm soát được lục căn, chỉ cho duyên với lục trần hợp lẽ.

*“Mắt phải ngó phải xem phải lễ,
Mắt tránh nhìn ô uế phàm thân,
Dục tâm ắt phải loạn thần,
Xúi người lỡ bước sa chân lạc lằm.
Tai chớ lóng thì thềm to nhỏ,
Lời đấng cay xiên xỏ người hiền,
Dục lòng tội trạng lụy liên,
Còn chi phẩm hạnh người hiền thế gian.*

*Ý đừng tưởng tính toán vọng động,
Mãi riêng lo kiếp sống tạm này,
Mà quên quá khứ vị lai,
Tiền căn nghiệp quả trả vay tội tù.”⁷*

☐ Chánh tâm:

Khi ý đã chánh chơn, đoạn dục thì tâm mới được chánh vì không còn bị ý vọng động quấy rầy.

*“Trong thân, tâm lại chủ quyền,
Hay dòi, hay đổi, đảo điên, bất toàn.
Tâm chứa trữ muôn vàn chủng tử,
Huân tập thường gìn giữ phát sanh,
Thuận duyên, khởi ác hay lành,
Đều do căn thức xoay quanh mặt ngoài,
Biển tâm động, hoài hoài sóng gió,
Biển tâm yên, trắng tỏ thường soi,
Sáu căn bỏ trống cửa ngoài,
Tình duyên theo cảnh, lạc loài cô đơn.
Chủ được tâm, chi hơn ngừa ý,
Ngăn lòng tà, sớm chỉ niệm sanh,
Noi theo chơn tánh trọn lành,
Vượt qua thiện ác, không tranh không cầu.”⁸*

Tâm là kho A Lại Da Thức chứa muôn ngàn chủng tử từ vô lượng kiếp đến nay. Đã là kho chứa thì có đủ loại Thần, Thánh, Tiên, Phật lẫn với Ma vương, Ác quỷ. Do đó, ta là Phật hay Ma trong giây phút hiện tại là do ý nhóm khởi. Nếu ý Phật khởi lên,

7. Đức Quan Âm Như Lai, Huôn Cung Đàn, 01-6 Ất Ty (29-6-1965).

8. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam, Chương III, Tiết II, Mục 3.

thì có Phật xuất hiện trong tâm ngay, nếu ý khởi lên là Ma thì có Ma đến liền bên.

*“Phàm hay Thánh suy ra cùng tột,
Phật hay ma chỉ một cái tâm,
Tâm là thiện ác khởi mầm,
Siêu thắng cũng đó, đọa trầm là đây.”⁹*

Ý là niệm luôn nhóm khởi liên tục như từng đợt sóng trào do sáu căn mở cửa tiếp xúc với sáu trần. Chính vì niệm nhóm khởi liên tục nên tâm lúc nào cũng như biển động, hoài hoài sóng gió, khi Ma, lúc Phật. Giữ tâm chơn chánh, tức là làm chủ cái tâm, không gì khác hơn là luôn đề phòng ý, nếu ý nào tà vạy móng lên, có nguy cơ làm tâm điên đảo thì ta ngăn chặn liền. Nếu do công phu học tập, tu tập, cách vật đã đến trí tri, hiểu được đâu là thiện ác, chân giả, ý đã thành, đã chơn chánh, đã thuần thực, không còn vọng niệm phóng lên khiến đục tình khuấy động, thì tâm sẽ được minh chánh, vì mặt nước “hồ tâm” không còn bị “gió ý” làm xao động.

☐ **Tu thân:**

Khi ý đã thành, tâm đã chánh thì nhịp cầu bắc qua sự nghiệp tu thân đã sẵn sàng. Tu thân là sửa mình từ dở hóa hay, từ phàm nhân hóa thành Thánh nhân, là một quá trình xảy ra liên tục trong suốt cuộc đời.

Sách Trung Dung có câu:

“Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo”:

Trời ban cho mỗi người có một Thiên tánh, một Minh Đức,

9. Đức Đông Phương Chưởng Quán, Vĩnh Nguyên Tự, 01-10 Quý Sửu (26-10-1973).

hay một Tiểu Linh Quang tròn lành như vầng trăng, tròn đầy và sáng rõ dưới đáy hồ tâm trong suốt phẳng lặng. Chỉ khi nào tâm ta thanh tịnh như mặt nước hồ thu, trong suốt phẳng lặng, thì ánh trăng kia mới tròn đầy và sáng rõ. Nếu cơn gió mạnh thổi qua, mặt nước hồ liên tục xao động bởi những làn sóng, thì ánh trăng kia không còn tròn đầy nữa, mà bị xé ra thành những tia sáng vụn vỡ lẫn tăn. Do đó, ta phải suốt được tánh, giữ cho tánh luôn được tròn đầy và sáng rõ như vầng trăng kia, bằng cách thành ý để chánh tâm. Có thành ý, chánh tâm mới có mặt nước hồ tâm vắng lặng cho chơn tánh sáng soi. Khi chơn tánh sáng soi thì tánh này sẽ cùng Trời Đất và muôn vật ứng thông, tình thương vô ngã phát lộ bao trùm cả vạn vật:

*“Muốn sửa lòng, ngắm lòng Từ Phụ,
Tu thân nhìn vũ trụ là thân,
Thái Sơn, biển cả, vi trần,
Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.”¹⁰*

Với tình thương đó, với tánh đức đó, nếu làm chủ gia đình sẽ tề được gia, nếu làm chủ quốc gia sẽ trị được quốc và nếu làm chủ thiên hạ sẽ đem đến thái bình cho muôn người. Đó là cả một quá trình phải nương nhờ vào giáo pháp để tu học rèn luyện không ngừng nghỉ. Đến đây Minh Đức đã hoàn toàn hiển lộ và dĩ nhiên là có đủ quyền pháp để Tân Dân.

*“Tánh thiên mạng người người có đủ,
Vốn thuần chơn, thường trụ, thường minh,
Cho hay chơn tánh có tình*

10. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Giáp Dần (28-11-1974).

*Tình duyên ngoại vật vô minh phủ mờ,
Suất được Tánh tri cơ thấy Đạo,
Tu Đạo nương lấy giáo làm nhân,
Rõ phương xuất hóa nhập thần,
Con đường Minh Đức, Tân Dân trọn lành.”¹¹*

Đó chính là bậc Thánh nhân, dự phần vào công cuộc hóa dục của Trời Đất. Sách Trung Dung đã nói tới điều đó:

“Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính; năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính; năng tận nhân chi tính tắc năng tận vật chi tính; năng tận vật chi tính tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục; khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ.”

Trong thiên hạ chỉ có người chí thành, tu thân hoàn thiện mình mới có thể làm sáng được Thiên tánh nơi mình. Có làm sáng Thiên tánh của mình mới có thể giúp làm sáng Thiên tánh của thiên hạ. Có giúp làm sáng được Thiên tánh của thiên hạ, mới có thể giúp cho muôn loài vạn vật được sáng cái Thiên tánh của chúng, bằng cách tạo điều kiện để giúp cho chúng được sống, phát triển và tiến hóa trong môi trường tự nhiên một cách thỏa thích. Ai làm được như vậy là đã tham dự vào công cuộc hóa dục của Trời Đất. Người như vậy là đã nên bậc chí Thánh với sứ mạng tự độ, độ tha; tự hoàn thiện mình và giúp cho chúng sanh hoàn thiện.

Đó là con đường mà Nho tông đã vạch ra, Đức Khổng Thánh đã tự mình thể nghiệm, đã đi trước và các Thánh đời sau đã lần lượt bước qua. Chư Thánh hẳn đang chờ đợi chúng ta, hàng hậu học có trách nhiệm trong sứ mạng Phổ Độ Kỳ Ba, đem tông chỉ

11. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chí Nam, chương III, tiết III, mục 2.

Nho tông để đem lại thanh bình cho nhân loại trong giai đoạn đầu sôi lửa bỏng này, và cũng để đạt đến mục đích Thế đạo Đại đồng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

C. TÍNH KHẢ THI CỦA SỨ MẠNG NHO TÔNG CHUYỂN THẾ

Nho học đã chính thức cáo chung trong lòng dân tộc Việt Nam kể từ 1918, khi chế độ thi cử tuyển chọn người tài ra giúp nước bằng Nho học và chữ Hán đã bị bãi bỏ. Một bộ phận dân chúng thi nhau làm mới mình theo phong cách Âu Tây. Cắt tóc ngắn, mặc Âu phục, nói tiếng Tây, học chữ quốc ngữ, làm việc với Tây, lấy vợ lấy chồng Tây, thậm chí sang Tây du học và lập nghiệp. Vô hình trung, những phong tục tập quán, quốc hồn quốc túy của dân tộc được tích lũy từ bao đời nay lấy Nho giáo làm nền tảng đã bị đánh đồng với những gì lỗi thời của chế độ phong kiến cần phải sớm loại bỏ. Tương tự như vậy, Trung Hoa là cái nôi của Nho giáo cũng cùng chung số phận. Tình trạng này đã kéo dài hơn thế kỷ qua.

Chúng ta, những người làm sứ mạng Nho tông chuyển thế trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vẫn thường đặt câu hỏi cho mình: Liệu rằng giữa lúc con người đang chen chân vào chợ đời quyền rũ, xem nếp sống văn minh vật chất Âu Tây, thiên về khoa học kỹ thuật như thần tượng, biết có chịu dừng chân lại để nghe mình nói về Nho tông chuyển thế?

Bất cứ một sự lựa chọn nào cũng có cái giá của nó. Masanobu Fukuo (1913–2008), trong quyển sách tựa đề “Cuộc cách mạng một cộng rơm”, đã được dịch ra 25 thứ tiếng trên thế giới, quy kết những vấn nạn môi trường mà nhân loại đang đối mặt hiện

nay là do các nguyên nhân sau:

1. Nhiều người ngày nay thiên về văn minh vật chất, chuộng lối sống hưởng thụ nhằm thỏa mãn dục vọng cá nhân. Họ đã vô tình đánh mất những nguyên tắc đạo đức, một thứ đạo lý tự nhiên trong cuộc sống, giúp đem đến sự hài hòa giữa con người với con người, con người với vũ trụ vạn vật và con người với Thượng Đế. Họ đã bị tha hóa. Pháp luật đã đặt ra nhưng họ vẫn cố tình làm điều xấu. Và khi đạo đức tinh thần xuống dốc thì môi trường xuống cấp theo: thực phẩm bẩn, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, tính mạng con người bị đe dọa là điều tất yếu theo luật nhân quả.

2. Không ít người ngày nay chạy theo dục vọng đua đòi chớ không phải vì nhu cầu thực tế. Để sản xuất ra hàng tiêu dùng nhằm thỏa mãn những nhu cầu xa xỉ đó, bao nhiêu là tài nguyên thiên nhiên tiêu phí, bao nhiêu là khói, bụi, chất thải công nghiệp đổ ra môi trường. Chỉ ở góc độ môi trường mà nói, thì không biết tương lai của nhân loại sẽ ra sao khi dục vọng con người không bao giờ có điểm dừng.

3. Nhiều người ngày nay không biết rằng có một sự cộng sinh giữa các loài với nhau trong tự nhiên để tạo ra thế cân bằng tự nhiên. Hủy hoại bất cứ một loài nào trong tự nhiên sẽ phá vỡ thế cân bằng này, gây ảnh hưởng xấu đến những loài còn lại. Con người không tuân thủ quy luật này, vượt cả quyền tạo hóa, can dự một cách thô bạo vào tự nhiên thì phải chịu hậu quả nhãn tiền là hứng chịu những phản ứng của thiên nhiên như chúng ta đang thấy hiện nay.

Và cuối cùng ông đưa ra giải pháp:

“Con đường để thực sự giải quyết vấn đề phá hoại môi trường

chính là quy chính nhân tâm, đối đãi với sự vật theo quy luật tự nhiên, giữa người với người cần hành sự theo quy phạm đạo đức. Nếu như ai cũng có thể làm được như thế, kỳ tích có thể sẽ xuất hiện, giúp con người không bị đào thải khi cả vật chất và tinh thần bị ô nhiễm quá giới hạn.

Nhân loại cần những gì để duy trì sự tồn tại? Là không khí, ánh sáng mặt trời, thực vật và nước, còn lại những thứ khác đều là xa xỉ phẩm. Nhà cửa và quần áo thì chỉ cần đủ dùng... Khi tiêu thụ ít đi, bớt chạy theo dục vọng xa hoa phù phiếm, chúng ta mới không phải lao tâm khổ tứ để kiếm tiền mua sắm, mới tìm được không gian tự do thực sự để an hưởng kiếp nhân sinh.”

Một con người tương đối hiện đại, sống trọn thế kỷ 20 ở Nhật Bản, đã là chứng nhân đáng tin cậy cho cái gọi là cuộc sống văn minh vật chất, đã nhận xét về cuộc sống văn minh vật chất lên ngôi đồng thời với sự xuống dốc đạo đức tinh thần, để lại hậu quả nặng nề cho môi trường, cho sự sống của muôn loài trên trái đất, trong đó có con người, khiến cho cả thế giới phải suy giảm lại mình cũng như tương lai của con cháu mình.

Masanobu không phải là một người nhân danh tín đồ của Khổng Tử để truyền bá Nho tông. Ông chỉ nói lên thảm trạng của con người hiện nay và lòng khao khát muốn có những sự đổi thay tích cực để nhân loại có được hạnh phúc trong cuộc sống nhân sinh. Tư tưởng của Masanobu làm nổi bật lên tinh thần cốt lõi của Nho tông là muốn sống trong hạnh phúc, con người phải cách vật, trí tri để hiểu về giá trị cuộc sống của con người. Sống không phải để chạy theo dục lạc điên cuồng, mà phải biết mối liên hệ giữa con người với con người, giữa con người với Đấng Thượng Đế tối cao vô hình, giữa con người với vũ trụ vạn vật.

Sống để biết rằng vũ trụ vạn vật, trong đó có con người, là một chỉnh thể hài hòa, cân bằng trong tự thể và vận động theo một quy luật tự nhiên gọi là Đạo. Sống theo quy luật tự nhiên là sống đúng đạo lý. Giáo lý Nho tông, cũng là giáo lý Đại Đạo, hướng dẫn con người cách sống, cách hành động để giữ được sự hài hòa, bình yên, an vui, phúc lạc cho mọi thành viên trong vũ trụ này, trong đó con người là một phần tử.

Ngày nay, thế giới đang chứng kiến sự vươn mình bay cao đến bất ngờ của các con rồng Châu Á. Gọi là con rồng vì các quốc gia và vùng lãnh thổ này đã nổi bật do duy trì một tốc độ tăng trưởng cao và công nghiệp hóa nhanh giữa thập niên 1960 và thập niên 1990. Các con rồng này đã bay cao do biết nắm bắt những thành tựu của văn minh khoa học nhưng vẫn duy trì cái đẹp của giáo lý Nho tông. Nhà nghiên cứu Hồ Sĩ Quý đã viết:

“Cũng như những thập niên trước ở Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore hay Hồng Kông, Nho giáo và văn hóa Nho giáo hiện vẫn giữ vai trò và vị thế của mình một cách tự nhiên trong đời sống. Chúng là sản phẩm của bản thân đời sống, được bảo tồn và duy trì lặng lẽ trong đời sống, theo những quy luật mà người ta không dễ can thiệp một cách cảm tính. Và do vậy, khi cần, chúng sẽ phát huy tác dụng theo quy luật tất nhiên của đời sống.”

Những con rồng này đã sống đúng theo lời Đức Cao Triều Phát đã từng dạy, một cuộc sống hài hòa về nhân sinh và tâm linh với khoa học và đạo lý sánh đôi. Khoa học giúp con người đạt địa, tức thông hiểu khoa học kỹ thuật để giải quyết mọi nhu cầu của cõi nhân sinh. Đạo lý giúp con người thông thiên, tức khai phóng tâm linh, tâm thức được sáng soi, giải quyết được những bế tắc trong cuộc sống mà trí khôn hạn hẹp của con

người không vượt qua được.

“Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình. Con người sẽ tiến bộ, quốc gia sẽ văn minh. Khoa học sẽ giúp người đạt địa, đạo lý sẽ giúp người thông thiên. Thế gian không còn là biển khổ, là sông mê. Đời đáng yêu chứ không đáng chán.”¹²

Cố Thủ tướng Lý Quang Diệu, người đã biến Singapore từ vùng đầm lầy, nhếch nhác, nghèo khổ, lộn xộn một cách thần kỳ để trở thành một đảo quốc đẹp giàu ngày nay, do đã dựa vào những nguyên tắc đạo đức nằm trong giáo điều của Nho tông. Bản thân ông là Chủ tịch Hội Khổng Học Thế Giới.

Trả lời phỏng vấn trên Foreign Affairs năm 1995, ông Lý Quang Diệu nói về tầm quan trọng của văn hóa và đạo đức truyền thống đối với sự phát triển của Đông Á, điều mà các nước phương Tây đã đánh mất:

“Tôi thấy có những điều không chấp nhận được trong xã hội Mỹ: súng ống, thuốc phiện, tội phạm bạo lực, người vô gia cư, các hành vi lỗ lã ngoài đường, nói tóm lại là xã hội đổ vỡ. Sự mở rộng quyền tự do cá nhân, thích hành động hay phá phách thế nào tùy ý gây ra tổn thất với trật tự xã hội. Ở phương Đông, mục đích chính luôn là trật tự xã hội ổn định, để mọi người có thể có hưởng tự do của mình. Sự tự do này chỉ tồn tại trong xã hội ổn định chứ không phải ở đất nước của tranh cãi và vô chính phủ.

Tại Singapore, nếu nước tiểu dương tính, anh ta phải đi cai nghiện ngay. Ở Mỹ, anh làm vậy thì lại bị coi là xâm phạm quyền

12. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

tự do cá nhân và bị kiện ngay tức khắc. Quyền cá nhân ở Mỹ được coi là bất khả xâm phạm. Nhưng chẳng ai quan tâm khi quân đội Mỹ bắt Tổng thống của một nước khác rồi đưa đến Florida và ném ông ta vào tù. Tôi chẳng thể nào hiểu được.

Con người cần những ý thức đạo đức nhất định về đúng và sai. Có những thứ là xấu xa. Anh đơn giản là xấu xa, để làm những việc xấu, thì phải chặn anh không làm những việc xấu vậy. Người phương Tây từ bỏ những nền tảng đạo đức của xã hội, tin rằng mọi vấn đề có thể giải quyết bằng một chính phủ tốt—đây là điều mà phương Đông chúng tôi không bao giờ tin.

Xã hội phương Đông tin rằng cá nhân tồn tại trong khuôn khổ gia đình. Anh ta không tách rời ra bối cảnh đó. Gia đình là một phần của gia đình rộng lớn hơn, rồi bạn bè rồi xã hội. Người lãnh đạo hay chính quyền không cố cung cấp cho cá nhân những gì mà gia đình có thể. Có câu thành ngữ của Trung Quốc khái quát vấn đề này: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Tu thân nghĩa là tự lo bản thân, tự rèn luyện, làm mọi việc để mình trở nên có ích; tề gia là lo lắng cho gia đình; trị quốc là lo lắng cho đất nước; bình thiên hạ là tất cả dưới bầu trời đều thái bình. Đó là quan niệm cơ bản của văn minh chúng tôi. Chính quyền lên rồi chính quyền xuống, nhưng quan điểm này vẫn duy trì. Chúng tôi bắt đầu bằng sự tự túc của bản thân.

Mặt nữa, chúng tôi may mắn là chúng tôi có nền văn hóa tràn đầy niềm tin vào sự tiết kiệm, làm việc chăm chỉ, kính trọng cha mẹ, tôn kính gia đình, và trên hết, là tôn trọng trí thức và sự học.”

Những thành công của bốn con rồng Châu Á này sẽ làm động

lực cho toàn thế giới hướng về văn hóa phương Đông:

Chen Fenglin (Trần Phong Lâm), một học giả Trung Quốc cho rằng:

“Trước sự tha hóa và lộn xộn của quan niệm giá trị toàn cầu, quan niệm giá trị Đông Á cần đảm đương lấy trách nhiệm nặng nề của thời đại là vực dậy sự băng hoại của tinh thần loài người... Nhân dân Đông Á chiếm khoảng một phần ba nhân loại đã tạo ra cho loài người những di sản vô cùng quý giá trong mọi lĩnh vực, làm cho tương lai loài người tràn đầy hy vọng. Đông Á nhất định sẽ bước vào hàng ngũ những người quyết định số phận chung của loài người... Nếu trong thời kỳ tới đây, văn hóa Phương Tây không tạo ra được một cuộc phục hưng thì hoàn toàn có thể sẽ xuất hiện một thế kỷ mới trong đó văn hóa Phương Đông sẽ thống lĩnh trào lưu văn hóa thế giới.”

Sau một giai đoạn dài choáng ngợp với cuộc sống văn minh vật chất do khoa học kỹ thuật phương Tây đem đến, con người thời đại đã cảm thấy bất an khi đối diện với những vấn nạn như là một hệ quả tất yếu của lối sống như vậy. Con người ngày nay đã quay về Đông Phương, chỗ cất giữ những giá trị đạo đức, tinh thần, như một nơi nương tựa cho đời sống tâm linh đang khô héo. Việt Nam với đạo Cao Đài là một kho báu, là nơi nhân loại sẽ tìm thấy những hạt ngọc của Tam Giáo Đạo: Nho, Thích, Lão mà từ lâu họ đã vô tình đánh mất. Một vận hội mới sẽ mở ra cho nhân loại cũng như cho con người sứ mạng, ứng hợp với lời tiên tri của Thầy từ lúc mới khai Đạo:

“Một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc,

Ngày sau làm chủ mới là kỳ.”¹³

III. KẾT LUẬN

Thầy đã giao sứ mạng cứu thế kỳ ba cho dân tộc Việt Nam, nhằm vào hai mục tiêu là Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát với lời dặn dò: Nho tông chuyển thế là đạo trị thế; Thích giáo, Lão giáo là đạo hoát khai tâm linh. Hai con đường nhân sinh và tâm linh phải được thực hiện ngay trong thời kỳ Đại Ân Xá này.

Giáo lý Đại Đạo với tinh thần “*Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất*”, tự thân có cả Nho tông trị thế và Thích, Lão hoát khai tâm linh. Tùy duyên nghiệp và căn trí mình, mỗi tín đồ bước từ thấp lên cao theo năm nấc thang tiến hóa từ Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo.

Giáo lý Đại Đạo với Nho tông, đem con người đang lạc lăm trong trường sát kiếp trở lại với con người chính danh, chính vị, biết làm hết phận sự của một con người nơi cõi thế, đó là tự hoàn thiện mình để góp tay vào công việc hóa dục của Trời Đất như một vị Thánh. Giáo lý Đại Đạo với Thích giáo và Lão giáo, sẽ đưa con người đi tiếp, tiến sâu vào nhà Tiên đất Phật để giải thoát tâm linh ngay khi còn tại thế. Nhờ Kỳ Ba Đại Ân Xá, quá

13. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967), Đức Cao Triều Phát nhắc lại lời tiên tri của Đức Chí Tôn:

- Trong Phổ Cáo Chúng Sanh (1926): “Ngày kia sẽ có một nước nhỏ nhen trong vạn quốc mà đặng làm chủ nền Chơn đạo Ta.”
- Trong Thánh Ngôn Sưu Tập I (Nguyễn Văn Hồng), số 29, đàn ngày 21-8 Bính Dần (27-9-1926): “Trong mỗi đạo Thầy đã lập thì hằng nói tiên tri rằng: Ngày kia có một nước đương trong vòng nô lệ, vì Ta mà làm chủ non loại. Các con hiểu à!”

trình đó có thể được rút ngắn chỉ trong một kiếp người, tùy theo định lực và sự tiến tu của hành giả.

Thiên Liêng giao sứ mạng cho dân tộc Việt Nam, nhưng thực chất là giao cho tôn giáo Cao Đài với năm triệu tín đồ làm thí điểm thực hiện trước. Mỗi người tín hữu Cao Đài, vận dụng giáo lý Đại Đạo vào trong đời sống hằng ngày, để thể hiện ra ngoài bằng một nét đẹp văn hóa, phản ánh được tinh thần Nho tông, khi thì nhập thế hòa mình vào dòng chảy cuộc đời để chung tay xây dựng Thế đạo đại đồng, lúc thì xuất thế, một mình nơi đơn phòng, hướng về nội thân luyện thần, dưỡng khí, nuôi dưỡng tâm linh theo tinh thần Thích giáo và Lão giáo để thực hành Thiên đạo giải thoát.

Một mà nên một thì muôn sẽ thành.¹⁴ Mỗi người tín đồ Cao Đài sống đúng theo tinh thần Đại Đạo sẽ kết dải đồng tâm với nhau trong xã hội Cao Đài, trong xã hội tôn giáo, trong xã hội dân tộc, trong xã hội nhân loại và trong môi trường sống giữa vũ trụ với biết bao nhiêu là chúng sanh hữu tình và vô tình.

Xã hội Cao Đài sẽ là cánh đồng mẫu, để những hạt lúa giống Cao Đài sẽ được ươm mầm trên khắp thế giới. Hòa bình cho nhân loại sẽ đến không xa.

14. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).